TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**291**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20/11/2019
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Ký
- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà Thiều Thị Phi Loan
Ông Trần Văn Chánh
- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa**:* Bà Nguyễn Trần Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. B tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 2255/2019/TLST – HNGĐ ngày 02/10/2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 318/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 25/10/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Diệp Thị Kiều O, sinh năm 1983.**
Địa chỉ: 154H/6, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
- Bị đơn: **Ông Huỳnh Đông H, sinh năm 1974.**
Địa chỉ: 154H/6, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Diệp Thị Kiều O trình bày:

Bà và ông Huỳnh Đông H kết hôn năm 2012, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Nay tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn ông Huỳnh Đông H.

Về con chung: Có 02 con chung là Huỳnh Thị Trà M, sinh ngày 14/02/2003 và cháu Huỳnh Minh T, sinh ngày 28/02/2012. Ly hôn, bà xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu. Tạm thời bà chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Đông H trình bày:

Ông và bà Diệp Thị Kiều O kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm thường xuyên cãi vã. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà O xin ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung là Huỳnh Thị Trà M, sinh ngày 14/02/2003 và cháu Huỳnh Minh T, sinh ngày 28/02/2012. Ly hôn, ông đồng ý giao cháu M và cháu T cho bà O được chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông chưa cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà O và ông H có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự. Vụ án này các chứng cứ đều do đương sự cung cấp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ theo Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó, căn cứ khoản 2 Điều 21; Điều 58 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà O và ông H tự nguyện tự nguyện kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L,

tỉnh An Giang, hôn nhân tự nguyện nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Nay bà O xin ly hôn, Tòa án căn cứ luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3]Về nội dung: Bà O trình bày, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Ông H cũng thừa nhận vợ chồng có mâu mâu thuẫn và không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng bà O, ông H đều thừa nhận có mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn nên mục đích hôn nhân không đạt được, có hàn gắn cũng không hạnh phúc, do đó bà O khởi kiện xin ly hôn là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O, cho bà O được ly hôn ông Huỳnh Đông H.

[4] Về con chung: Có 02 con chung là Huỳnh Thị Trà M, sinh ngày 14/02/2003 và cháu Huỳnh Minh T, sinh ngày 28/02/2012. Ly hôn, ông H đồng ý giao cháu M và cháu T cho bà O được chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu M và cháu T cũng có nguyện vọng ở với mẹ, do đó, cần giao cả hai cháu cho bà O nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Về cấp dưỡng: Do bà O chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà O phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000670 ngày 19/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 203, 207, 220, 266, 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Điều 84 và khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Diệp Thị Kiều O.

Bà Diệp Thị Kiều O được ly hôn ông Huỳnh Đông H.

Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thị Trà M, sinh ngày 14/02/2003 và cháu Huỳnh Minh T, sinh ngày 28/02/2012 cho bà Diệp Thị Kiều O chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Huỳnh Đông H chưa cấp dưỡng nuôi con.

Ông Huỳnh Đông H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi dưỡng cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà O phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000670 ngày 19/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Bà O, ông H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Ký

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. B;
- THA dân sự TP. B;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND M, TP. L, tỉnh An Giang (số 23/2012 quyển 01/2012)
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.